

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo Hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 3647/QĐ - BGDDT ngày 10 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ - BGDDT ngày 15/8/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDDT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành và sửa đổi Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ - ĐHTN ngày 22/04/2013 Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế đào tạo đại học chính quy theo Hệ thống tín chỉ*” tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên.

Điều 2. Quy chế này được áp dụng tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp kể từ học kỳ II năm học 2015 - 2016 và thay thế cho các Quy chế trước đây có nội dung trái với Quy chế này.

Điều 3. Các Ông (Bà) trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BGH (để b/c);
- Lưu VT; ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Phan Quang Thế



QUY CHẾ

Đào tạo đại học chính quy theo Hệ thống tín chỉ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 73.1 / QĐ-ĐHKTCN, ngày 24 tháng 12 năm 2015
của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy chế này Quy định đào tạo Đại học hệ chính quy theo Hệ thống tín chỉ bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra thường xuyên; thi kết thúc học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.
- Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khoá đào tạo Hệ chính quy, trình độ Đại học tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

- Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.
 - Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành, kiểu ngành chính - ngành phụ, kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.
 - Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết, bài tập, thực hành, thí nghiệm, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo cho sinh viên.
 - Trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp quy định khối lượng kiến thức cho các chương trình như sau:
 - Từ 120 đến 125 tín chỉ đối với đào tạo trình độ đại học 4 năm (gọi là chương trình 120 tín chỉ).
 - Từ 150 đến 155 tín chỉ đối với đào tạo trình độ đại học 5 năm đối với các khóa tuyển sinh trước năm 2014 và 4,5 năm đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2015 (gọi là chương trình 150 tín chỉ).
- Căn cứ vào khối lượng kiến thức của từng chương trình, Hiệu trưởng quy định

việc phân bổ các học phần và các hoạt động đào tạo khác cho từng học kỳ, năm học.

Điều 3. Học phần, Tín chỉ và Học phí tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn các học phần có khối lượng kiến thức từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bổ đều trong một học kỳ. Kiến thức của mỗi học phần phải phù hợp với mức trình độ của năm học tổ chức giảng dạy và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần đều có mã số riêng.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a. Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

b. Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Nhà trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn.

c. Hoạt động học tập, giảng dạy của mỗi học phần bao gồm một hay kết hợp một số các hình thức sau:

- Giảng dạy lý thuyết;
- Hướng dẫn thảo luận, thực hành, bài tập;
- Hướng dẫn thí nghiệm, thực tập, thực tập tốt nghiệp;
- Hướng dẫn đồ án môn học, bài tập lớn, khoá luận và đồ án tốt nghiệp, v.v...

Mỗi học phần phải có đề cương chi tiết thể hiện các nội dung: giới thiệu tóm tắt học phần, các học phần tiên quyết, học phần song hành, học phần học trước, phương pháp đánh giá, nội dung chính các chương, mục, giáo trình, tài liệu tham khảo, v.v... Đề cương chi tiết được trường khoa phê duyệt, công bố cùng chương trình và được giảng viên giới thiệu cho sinh viên ngay trong buổi học đầu tiên của học phần.

d. Riêng đối với các học phần tiếng Anh, sinh viên có thể đăng ký học trong trường hoặc tự học hoặc học tại cơ sở đào tạo ngoài trường, sau đó thi và trình chứng chỉ Toefl - ITP do Viện Khảo thí Hoa Kỳ tại Việt Nam cấp để được quy đổi điểm cho các học phần tiếng Anh theo Đề án: “Đánh giá kết quả tiếng Anh sinh viên hệ đại học chính quy dài hạn theo chuẩn quốc gia từ 2015”.

+ Học phần tương đương và học phần thay thế

Học phần tương đương là một hay một nhóm học phần thuộc chương trình của một khóa, ngành khác đang tổ chức đào tạo tại trường được phép tích lũy để thay cho một học phần hay một nhóm học phần trong chương trình của ngành đào tạo.

Học phần thay thế được sử dụng khi một học phần có trong chương trình nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy nữa và được thay thế bằng một học phần khác đang còn tổ chức giảng dạy.

Các học phần hay nhóm học phần tương đương hoặc thay thế do khoa chuyên môn

đề xuất, Hiệu trưởng phê duyệt trước khi bổ sung cho chương trình trong quá trình tổ chức đào tạo. Những học phần này được áp dụng cho tất cả các khóa, ngành hoặc hạn chế cho một số khóa, ngành.

+ Học phần tiên quyết

Học phần A là học phần tiên quyết của học phần B, khi sinh viên muốn đăng ký học học phần B thì phải đăng ký học và thi đạt học phần A.

+ Học phần học trước

Học phần A là học phần học trước của học phần B, khi sinh viên muốn đăng ký học học phần B thì phải đăng ký và học xong học phần A.

+ Học phần song hành

Các học phần song hành với học phần A là những học phần mà sinh viên có thể học đồng thời cùng với học phần A.

+ Học phần đặc biệt

Các học phần đặc biệt là các học phần không tính tích lũy tín chỉ nhưng sinh viên phải học và được cấp chứng chỉ mới đủ điều kiện tốt nghiệp bao gồm: học phần giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, học phần ngoại ngữ (thí điểm).

3. Tín chỉ (TC) dùng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết (trong tổ chức đào tạo, thường 1 tín chỉ của học phần lý thuyết được quy định bằng 12 tiết học lý thuyết và 6 tiết thảo luận); 30 tiết thảo luận; 30 tiết thực hành, thí nghiệm; 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp; 60 giờ thực tập tại Trung tâm thực nghiệm.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, thảo luận để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ tự học.

4. Một tiết học lý thuyết, thảo luận, thực hành, thí nghiệm được tính là 50 phút.

5. Học phí tín chỉ là đơn vị dùng để lượng hóa chi phí của các hoạt động giảng dạy, học tập tính cho từng học phần. Học phí sinh viên phải đóng trong mỗi học kỳ được xác định căn cứ theo số học phần mà sinh viên đăng ký và được chấp nhận, bằng tổng số học phí tín chỉ của từng học phần. Học phí tín chỉ của mỗi học phần bằng số tín chỉ học phí quy định cho học phần đó nhân với mức tiền học phí/1 tín chỉ học phí của học phần. Mức tiền học phí/1 tín chỉ học phí của từng học phần do Hiệu trưởng quy định theo từng học kỳ dựa trên các quy định hiện hành của Nhà nước. Riêng đối với các tín chỉ tiếng Anh không tích lũy đối với sinh viên hệ đại học chính quy đại trà mức tiền học phí/ 1 tín chỉ sẽ lấy theo Quy định về học tiếng Anh tăng cường của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy, học tập và các hoạt động chuyên môn khác

1. Thời gian hoạt động giảng dạy, học tập của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên:

Từ thứ ba đến thứ bảy hàng tuần

- Buổi sáng: từ 7.00' đến 11.00'

- Buổi chiều: Từ 13.30' đến 17.30'

- Buổi tối (có thể bố trí cho các học phần tiếng Anh hoặc trong các trường hợp đặc biệt): Từ 18.00' đến 21.00'

Riêng ngày thứ hai chỉ dành cho các hoạt động chuyên môn, không tổ chức giảng dạy trên lớp.

2. Tùy theo số lượng sinh viên, số lớp học phần cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường, phòng Đào tạo sắp xếp thời khóa biểu học tập, lịch thi kết thúc học phần cho phù hợp.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Khối lượng kiến thức đăng ký: tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký và được chấp nhận;

2. Điểm trung bình chung học kỳ: điểm trung bình có trọng số của các học phần (kể cả đạt và không đạt) mà sinh viên đăng ký trong học kỳ đó (trừ các học phần học cải thiện điểm), với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần;

3. Khối lượng kiến thức tích lũy: khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá đạt (bằng các điểm chữ A, B, C, D) tính từ đầu khóa học;

4. Điểm trung bình chung tích lũy: điểm trung bình chung có trọng số của các học phần mà sinh viên tích lũy được (đã đạt) tính từ đầu khóa học cho đến thời điểm xem xét.

Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

a. Khóa học là khoảng thời gian thiết kế tiêu chuẩn để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc chương trình, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp quy định tổ chức các khóa học như sau:

- Đào tạo trình độ Đại học 4 năm hoặc 5 năm (4,5 năm đối với riêng các khóa tuyển sinh từ năm 2015) cho những người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;

- Đào tạo trình độ Đại học 1,5 năm hoặc 2 năm đối với những người có bằng tốt nghiệp cao đẳng Hệ chính quy cùng ngành đào tạo.

b. Một năm học gồm hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 16 tuần, trong đó có ít nhất 15 tuần dành cho các hoạt động giảng dạy, học tập, kiểm tra thường xuyên,

1 tuần nghỉ giữa học kỳ (term break - để sinh viên hoàn thành bài tập, bài tập lớn, v.v...và để giảng viên hoàn thiện việc chấm bài tập, bài kiểm tra.v.v..) và 3 đến 5 tuần thi kết thúc học phần. Ngoài hai học kỳ chính, Nhà trường không tổ chức học kỳ phụ vào dịp hè. Giảng viên cơ hữu tại các khoa, bộ môn trực thuộc trường, trung tâm đào tạo và sinh viên được nghỉ hè theo kế hoạch cụ thể của Nhà trường.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Phòng Đào tạo tư vấn và Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh dự kiến phân bổ số học phần cụ thể cho từng năm học và học kỳ.

3. Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình bao gồm: 2 lần thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại khoản 1 của điều này.

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên (ưu tiên 1 và 2) theo quy định tại Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình, trừ khi thuộc diện bị buộc thôi học.

Điều 7. Đăng ký nhập học

1. Khi đăng ký vào học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân do phòng Công tác Học sinh - Sinh viên của trường quản lý và một túi do khoa quản lý.

2. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành đúng thời hạn theo giấy báo nhập học. Nếu nhập học chậm sau 2 tuần không có lý do chính đáng, sinh viên coi như bỏ học.

3. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, trong 3 tuần đầu tiên của học kỳ, phòng Công tác Học sinh - Sinh viên trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận sinh viên chính thức của trường và cấp cho sinh viên:

- a) Thẻ sinh viên;
- b) Thông tin về lớp sinh viên và giáo viên chủ nhiệm (cố vấn học tập).

4. Sinh viên nhập học được Nhà trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên thông qua tuần giáo dục công dân đầu khóa, sổ tay sinh viên và Website của trường.

5. Sinh viên dự thính là sinh viên đang học ở trường đại học khác, cán bộ đang công tác tại các cơ quan, xí nghiệp, viện nghiên cứu... có nguyện vọng đăng ký học một số học phần. Để được nhập học, sinh viên dự thính phải nộp hồ sơ xin học theo mẫu của Nhà trường; có thể phải dự kiểm tra điều kiện đầu vào theo quy định của Nhà trường; phải thực hiện các nhiệm vụ học tập, đóng học phí như sinh viên chính quy nhưng chỉ được cấp chứng chỉ môn học, không được hưởng các chế độ của sinh viên.

Điều 8. Phân chuyên ngành và chuyển ngành đào tạo

Trong kỳ thi tuyển sinh, nếu thí sinh trúng tuyển vào trường theo đúng ngành đào tạo, Nhà trường công bố công khai chỉ tiêu đào tạo cho từng chuyên ngành ngay từ đầu khoá học. Sau 2 học kỳ hoặc sớm hơn, Nhà trường căn cứ vào nguyện vọng của sinh viên và kết quả học tập để phân chuyên ngành khi kết thúc các học phần chung của ngành. Hiệu trưởng sẽ quy định tiêu chí và quy trình phân chuyên ngành cụ thể cho từng năm và giao cho khoa chuyên môn triển khai.

Việc chuyển ngành đào tạo trong Trường thực hiện theo đúng quy định về chuyển trường của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Điều 9. Tổ chức lớp học

1. Lớp sinh viên và giáo viên chủ nhiệm

Lớp sinh viên tổ chức theo khoá học của ngành đào tạo. Lớp sinh viên duy trì trong cả khoá đào tạo, có tên riêng, có lớp trưởng, hệ thống đoàn, hội sinh viên. Mỗi lớp sinh viên có một giáo viên chủ nhiệm.

Giáo viên chủ nhiệm đồng thời đảm nhiệm vai trò cố vấn học tập cho sinh viên trong việc lập kế hoạch học tập trong từng học kỳ và toàn bộ khoá học.v.v. Tổ chức hoạt động của lớp sinh viên, vai trò và trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm được quy định trong Quy chế công tác sinh viên của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

2. Lớp học phần

Lớp học phần được tổ chức theo từng học phần dựa trên kết quả đăng ký học tập của sinh viên, có thời khoá biểu, lịch thi, mã số riêng. Mỗi lớp học phần có một lớp trưởng, lớp phó do giảng viên phụ trách học phần chỉ định.

Số lượng sinh viên tối thiểu của mỗi lớp học phần là 30, trường hợp đặc biệt Hiệu trưởng quyết định theo tư vấn của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhưng không vượt quá 5 lớp/1 học kỳ chính. Nếu số lượng sinh viên đăng ký ít hơn quy định nói trên, lớp học phần sẽ bị hủy và sinh viên phải đăng ký chuyển sang lớp khác hoặc học những học phần khác cho đủ khối lượng kiến thức tối thiểu quy định trong mỗi học kỳ.

Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi năm học, Nhà trường thông báo công khai kế hoạch học tập dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, dự kiến quy mô và số lớp học phần sẽ mở, liệt kê các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ tổ chức.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, sinh viên nên tham khảo giáo viên chủ nhiệm về các học phần dự định sẽ đăng ký trong học kỳ để được tư vấn.

Có 3 hình thức đăng ký học phần trong mỗi học kỳ: sớm, bình thường và muộn.

- a. Đăng ký sớm được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ từ 1 đến 2 tháng;
- b. Đăng ký bình thường được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần;

c. Đăng ký muộn được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác.

3. Khối lượng học tập tối thiểu và tối đa mà mỗi sinh viên phải đăng ký học trong mỗi học kỳ chính được quy định như sau:

a. Tối thiểu 14 tín chỉ và tối đa 25 tín chỉ (trừ học kỳ cuối khoá học) đối với những sinh viên xếp hạng học lực bình thường;

b. Tối thiểu 10 tín chỉ và tối đa 20 tín chỉ (trừ học kỳ cuối khoá học) đối với những sinh viên xếp hạng học lực yếu;

4. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải đảm bảo điều kiện tiên quyết hoặc học trước của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

5. Nhà trường chỉ chấp nhận đăng ký khối lượng học tập của sinh viên trực tuyến qua hệ thống đăng ký Eduweb của Nhà trường. Kết quả đăng ký học tập của sinh viên trong mỗi học kỳ được phòng Đào tạo xử lý, thống kê, tổng hợp và lưu giữ cả dưới dạng files và bản in.

Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp nhận trong 2 tuần đầu học kỳ chính theo thông báo của Nhà trường. Ngoài thời hạn nêu trên, nếu sinh viên tự ý bỏ học sẽ phải nhận điểm F và vẫn phải nộp học phí các học phần đó.

Việc rút học phần phải thực hiện trực tuyến trên Eduweb.

2. Khi rút học phần trong thời gian quy định trong khoản 1 của Điều này, sinh viên không phải nộp học phí của học phần đã rút. Nếu sau thời gian quy định trong khoản 1 của điều này, trước khi thi kết thúc học phần, sinh viên muốn rút học phần phải viết đơn gửi Trưởng phòng Đào tạo, nếu được chấp thuận, sinh viên sẽ không phải nhận điểm F nhưng vẫn phải nộp học phí của học phần đó.

3. Việc rút học phần không được vi phạm khoản 3, Điều 10 của Quy chế này. Chỉ sau khi có giấy báo của phòng Đào tạo cho giảng viên phụ trách lớp học phần, sinh viên mới được phép bỏ lớp đối với các học phần xin rút bớt.

Điều 12. Đăng ký học lại và học cải thiện điểm

1. Sinh viên có điểm học phần của học phần bắt buộc là F thì phải đăng ký học lại học phần đó cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D. Đối với những học phần đang còn tổ chức đào tạo sinh viên bắt buộc phải đăng ký học lại những học phần đó, chỉ những học phần không còn tổ chức đào tạo nữa sinh viên mới có thể đăng ký học các học phần thay thế.

2. Sinh viên có điểm học phần của học phần tự chọn là F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Việc đăng ký học cải thiện điểm chỉ áp dụng đối với sinh viên có điểm học phần là C và D theo thủ tục nêu ở mục 1 và 2.

Điều 13. Nghỉ ốm

Sinh viên nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong kỳ thi, phải viết đơn xin phép

kèm theo giấy xác nhận của bệnh viện từ cấp huyện trở lên gửi Trường phòng Đào tạo trong vòng một tuần kể từ ngày ốm (trường hợp đặc biệt do Trường phòng Đào tạo xem xét quyết định).

Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, Nhà trường xếp hạng năm đào tạo của sinh viên như sau:

- Sinh viên năm thứ nhất: Có khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ.
- Sinh viên năm thứ hai: Có khối lượng kiến thức tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ và ĐTBCTL $\geq 1,4$
- Sinh viên năm thứ ba: Có khối lượng kiến thức tích lũy từ 60 tín chỉ đến dưới 90 tín chỉ và ĐTBCTL $\geq 1,6$
- Sinh viên năm thứ tư: Có khối lượng kiến thức tích lũy từ 90 tín chỉ đến dưới 120 tín chỉ và ĐTBCTL $\geq 1,8$
- Sinh viên năm thứ năm: Có khối lượng kiến thức tích lũy từ 120 tín chỉ trở lên.

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

- a. Hạng bình thường: Có điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.
- b. Hạng yếu: Có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp buộc thôi học.

Điều 15. Nghỉ học tạm thời và cho thôi học

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học một trong các trường hợp sau:

- a. Được động viên vào các lực lượng vũ trang.
- b. Bị ốm hoặc tai nạn buộc phải điều trị trong thời gian dài có giấy xác nhận của cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên.
- c. Vì nhu cầu cá nhân. Sinh viên phải học ở trường ít nhất một học kỳ, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại điều 16 của quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức được quy định tại khoản 3 điều 6 của quy chế này.

Hội đồng Nhà trường gồm Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được uỷ quyền, Trường phòng Đào tạo, Trường phòng Công tác Học sinh - Sinh viên, Trưởng Khoa chuyên môn sẽ xem xét cho phép sinh viên được nghỉ học tạm thời. Mỗi năm học chỉ xem xét 2 lần.

2. Sinh viên được nghỉ học tạm thời, trước khi muốn trở lại tiếp tục học tập phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất 1 tháng trước khi bắt đầu học kỳ mới và Nhà trường phải

thành lập Hội đồng để xem xét.

3. Cho thôi học: căn cứ vào điều kiện riêng, sinh viên có thể làm đơn xin thôi học để Nhà trường xem xét và ra quyết định. Việc bồi hoàn kinh phí đào tạo do hội đồng Nhà trường quyết định.

Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, chuyển khóa đào tạo và buộc thôi học

1. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a. Có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học; đạt dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

b. Có điểm trung bình chung tích lũy học kỳ đạt dưới 1,10 tính đến học kỳ thứ nhất và 1,20 tính đến các học kỳ tiếp theo đối với sinh viên năm thứ nhất; dưới 1,30 tính đến học kỳ thứ nhất và 1,40 tính đến các học kỳ tiếp theo đối với sinh viên năm thứ hai; dưới 1,50 tính đến học kỳ thứ nhất và 1,60 tính đến các học kỳ tiếp theo đối với sinh viên năm thứ ba; dưới 1,70 tính đến học kỳ thứ nhất và 1,80 tính đến các học kỳ tiếp theo đối với sinh viên năm thứ tư và thứ năm.

2. Chuyển khóa đào tạo

Sau mỗi năm học, căn cứ vào kết quả học tập và xếp hạng năm đào tạo, Nhà trường có thể xét chuyển sinh viên vào khóa phù hợp với xếp hạng năm đào tạo tương ứng của sinh viên.

3. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a. Đã tự ý bỏ học từ một học kỳ chính trở lên;

b. Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá 2 lần liên tiếp;

c. Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này;

d. Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 30 của Quy chế này.

4. Sinh viên có quyết định thôi học hoặc buộc thôi học, chậm nhất sau 1 tháng Nhà trường sẽ thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Sinh viên có nguyện vọng chuyển sang học chương trình giáo dục đại học vừa làm vừa học hoặc chương trình có trình độ thấp hơn, phải làm đơn gửi Nhà trường xin xét chuyển.

5. Sau mỗi học kỳ, những trường hợp đặc biệt, Hội đồng Nhà trường sẽ xem xét việc cứu xét sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học được tiếp tục học khi sinh viên có đơn đề nghị và cam kết của gia đình.

Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp đồng thời hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a. Ngành đào tạo chính của chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính của chương trình thứ nhất;

b. Đã học kết thúc học kỳ đầu tiên năm học thứ nhất của chương trình thứ nhất;

c. Sinh viên phải xếp hạng học lực bình thường ở chương trình thứ nhất.

3. Sinh viên đang học thêm chương trình thứ hai, bị xếp hạng học lực yếu của chương trình thứ nhất, phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất. Sinh viên làm đơn xin được bảo lưu; khoa xác nhận; phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng ra quyết định.

5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu đã có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

6. Chi tiết về học cùng một lúc hai chương trình và học văn bằng 2 được Quy định cụ thể theo Quyết định số 248/QĐ-ĐT ngày 7/4/2009 của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

Điều 18. Điều kiện chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có đủ các điều kiện sau đây:

a. Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b. Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c. Được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai trường;

d. Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a. Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi vào trường thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến.

b. Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển sinh quy định của trường xin chuyển đến.

c. Sinh viên năm thứ nhất hoặc năm cuối khoá.

d. Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a. Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo mẫu qui định thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b. Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp có quyền quyết định tiếp nhận

hoặc không tiếp nhận. Việc công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung dựa trên cơ sở so sánh chương trình của trường sinh viên xin chuyển đi và chương trình tương ứng của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp. Khoa xác nhận và đề nghị, phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng ra quyết định.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Điều 19. Đánh giá học phần

1. Đối với học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm bài tập, nhiệm vụ về nhà; điểm đánh giá phần thực hành; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số là 50% (trừ chương trình tiên tiến).

2. Mỗi tín chỉ của học phần lý thuyết phải đảm bảo 3 đánh giá thường xuyên (2 bài kiểm tra và đánh giá 1 bài tập về nhà). Trường hợp đặc biệt bộ môn đề xuất, thông qua khoa, được Hiệu trưởng phê duyệt và được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề và cho điểm đánh giá bộ phận trừ bài thi kết thúc học phần.

Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần, kiểm tra thường xuyên và chấm bài tập về nhà

1. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức 1 kỳ thi kết thúc học phần. Phòng Đào tạo lập kế hoạch thi kết thúc học phần vào cuối mỗi học kỳ, các khoa tổ chức triển khai kế hoạch thi.

2. Giảng viên phụ trách lớp học phần (dạy lý thuyết) ra đề, bố trí kiểm tra thường xuyên vào các tiết học (lý thuyết hoặc thảo luận) trong thời khóa biểu.

3. Thời gian dành cho ôn thi kết thúc học phần là 1 ngày cho 1 tín chỉ.

4. Bộ môn tự lập kế hoạch và tổ chức bảo vệ bài tập lớn, tiểu luận; đề xuất lịch thực hành với phòng Đào tạo; tổ chức bảo vệ lần 2 cho những sinh viên có lý do chính đáng, được bộ môn cho phép vắng bảo vệ lần 1.

5. Mỗi tín chỉ, giảng viên giảng dạy lý thuyết phải ra ít nhất 60 bài tập, nhiệm vụ về nhà cho sinh viên. Điểm bài tập về nhà cho mỗi tín chỉ là một điểm đánh giá thường xuyên. Bài tập, nhiệm vụ về nhà nên ra bằng tiếng Anh (nếu có thể) và khuyến khích sinh viên giải bằng tiếng Anh. Sinh viên không hoàn thành đủ số bài tập của tín chỉ nào thì nhận điểm 0 về bài tập của tín chỉ đó.

Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, xử lý điểm, số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần và kiểm tra thường xuyên phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi kết thúc học phần được lấy trực tiếp từ ngân hàng câu hỏi thi hoặc trên cơ sở ngân hàng câu hỏi thi. Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm về việc xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề thi và làm đáp án. Phòng TTKT&ĐBCLGD chịu trách nhiệm tổ chức bốc thăm, nhân sao đề thi.

2. Hình thức kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần

Hình thức kiểm tra thường xuyên là kiểm tra viết hoặc hỏi trực tiếp.

Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần. Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được uỷ quyền duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần. Mỗi học phần chỉ có một bài thi kết thúc học phần.

3. Chấm bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần

a. Các học phần chỉ có lý thuyết

Trưởng bộ môn có trách nhiệm phân công giảng viên chấm bài thi kết thúc học phần nhưng không được bố trí giảng viên trực tiếp giảng dạy lớp học phần chấm thi. Việc chấm thi kết thúc học phần phải do ít nhất hai giảng viên đảm nhiệm.

Giảng viên giảng dạy lớp học phần tự chấm, chữa bài, báo điểm và trả bài cho sinh viên, tổng hợp điểm các bài kiểm tra thường xuyên và nộp phiếu điểm cho bộ môn trước khi bước vào kỳ thi kết thúc học phần. Phiếu điểm kiểm tra thường xuyên được lưu tại văn phòng bộ môn. Bài kiểm tra thường xuyên sau khi chấm, chữa, vào điểm phải trả cho sinh viên.

Chấm thi viết kết thúc học phần được thực hiện tại phòng làm việc của giảng viên. Phiếu điểm gốc phải có đầy đủ họ tên và chữ ký của hai giảng viên thuộc bộ môn giảng dạy học phần, Trưởng bộ môn ký và lưu tại văn phòng bộ môn. Bài thi viết kết thúc học phần được lưu giữ ít nhất 2 năm.

Chấm thi vấn đáp phải được thực hiện tại giảng đường theo lịch của Nhà trường. Điểm thi vấn đáp phải công bố ngay sau mỗi buổi thi tại giảng đường, khi hai giảng viên chấm thi thống nhất được điểm chấm. Trong trường hợp không thống nhất thì các giảng viên chấm thi trình Trường bộ môn quyết định.

Thi trắc nghiệm trên máy tính (test online): có quy định riêng.

b. Các học phần chỉ có thí nghiệm, thực hành

Việc đánh giá các học phần thí nghiệm, thực hành được thực hiện tại các mô đun thí nghiệm của Khoa, Trung tâm thực nghiệm hay các phòng thí nghiệm của cơ sở liên kết đào tạo sau khi sinh viên tham gia đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành và nộp báo cáo. Điểm học phần là điểm trung bình chung của các điểm đánh giá bộ phận có trọng số.

c. Các học phần có cả lý thuyết và thực hành

Kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần thực hiện như các học phần chỉ có lý thuyết. Phần thực hành được coi là điểm đánh giá bộ phận còn lại của học phần.

Bộ môn có trách nhiệm vào điểm trung bình đánh giá bộ phận, điểm thi kết thúc học phần của từng lớp học phần theo phiếu điểm gốc. Bộ môn phối hợp với khoa để tổng hợp điểm nộp cho phòng Đào tạo theo kế hoạch. Điểm học phần của sinh viên phải được công bố công khai tại phòng làm việc của giảng viên.

4. Số lần kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

Số lần kiểm tra thường xuyên lấy điểm tối thiểu 2 lần cho một tín chỉ. Thời gian kiểm tra một bài tối đa là 15 phút.

Nhà trường tổ chức hai lần thi kết thúc học phần trong mỗi học kỳ chính. Những sinh viên bị điểm F có thể đăng ký thi lần 2 hoặc học lại.

Sinh viên vắng thi kết thúc học phần nếu không được phép, coi như đã thi và phải nhận điểm 0 (theo thang điểm 10). Sinh viên vắng thi kết thúc học phần nếu được Trưởng phòng Đào tạo cho phép sẽ được dự thi vào lần 2 và được coi là thi lần đầu.

Sinh viên vắng kiểm tra thường xuyên sẽ phải nhận điểm 0 lần kiểm tra đó.

Điều 22. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) và được làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang thang điểm chữ với các mức như sau:

a. Loại đạt	A (8,5÷10)	Giỏi
	B (7,0÷8,4)	Khá
	C (5,5÷6,9)	Trung bình
	D (4,0÷5,4)	Trung bình yếu

b. Loại không đạt: Điểm F (dưới 4,0) Kém

c. Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi kết thúc học phần.

d. Đối với những học phần được Nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá sử dụng ký hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a. Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, nhưng bỏ thi không có lý do phải nhận điểm F;

b. Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được bộ môn cho phép nợ.

c. Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như nêu trong khoản 3 của điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm quy chế thi và bị xử lý kỷ luật ở mức đình chỉ hoặc khi kiểm tra, hoặc khi thi kết thúc học phần, hoặc khi bảo vệ thí nghiệm, hoặc khi bảo vệ bài tập lớn .v.v...

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a. Trong thời gian thi kết thúc học phần, sinh viên nghỉ ốm theo điều 13 chương 2 của Quy chế này;

b. Sinh viên không thể dự thi kết thúc học phần vì những lý do khách quan bất khả kháng, được Trường phòng Đào tạo chấp nhận.

Trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng Đào tạo chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ bộ môn, khoa chuyển đến.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a. Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A,B,C,D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b. Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

Điều 23. Tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi sang thang điểm 4 như sau:

A tương ứng với 4

B tương ứng với 3

C tương ứng với 2

D tương ứng với 1

F tương ứng với 0

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức (*) và làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

$$A = \frac{\sum_{i=1}^N a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^N n_i} \quad (*)$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm học phần thứ i , n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

N là số học phần tính điểm trung bình chung.

Điểm trung bình chung học kỳ dùng để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả điểm học phần ở lần học thứ nhất với số tín chỉ đăng ký $\geq$ số tín chỉ chuẩn/ 1 học kỳ của chương trình. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy dùng để xét cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học. Xếp hạng học lực, xếp hạng tốt nghiệp của sinh viên tính theo kết quả điểm học phần của lần học có điểm học phần cao nhất.

3. Điểm học cải thiện nếu cao hơn chỉ được tính vào điểm trung bình chung tích lũy. Điểm học lại, học vượt được tính vào điểm trung bình chung của học kỳ chính đó và trung bình chung tích lũy (nếu đạt).

Điều 24. Bảo lưu kết quả và miễn học học phần

Một học phần A được phép miễn học theo diện bảo lưu kết quả (điểm) khi sinh viên đã thi đạt học phần tương đương trong thời gian học để lấy văn bằng thứ nhất của trường.

Việc xem xét miễn học, bảo lưu kết quả đối với sinh viên diện chuyển trường do Hiệu trưởng quyết định sau khi tham khảo ý kiến của khoa chuyên môn.

Thời gian bảo lưu các kết quả học tập của các học phần được quy định như sau:

- Không quá 7 năm tính đến ngày xét đối với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương.
- Không quá 5 năm đối với các học phần khác thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

Sinh viên đã có quyết định xóa tên do bỏ học, nghỉ học hoặc bị buộc thôi học nếu tham gia thi lại tuyển sinh và trúng tuyển vào hệ chính quy thì phải học lại toàn bộ chương trình - không được xét miễn học học phần trừ các môn học đã được cấp các chứng chỉ riêng như giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.

Điều 25. Phúc tra và khiếu nại điểm

Điểm kiểm tra thường xuyên: sinh viên có ý kiến trực tiếp với giảng viên giảng dạy lớp học phần khi giảng viên chữa, trả bài và công bố điểm.

Điểm thi kết thúc học phần: nếu thấy chưa thỏa đáng, sinh viên có quyền gửi đơn xin phúc tra đến văn phòng khoa chậm nhất là 3 ngày sau ngày công bố điểm. Trường khoa có trách nhiệm chỉ đạo các trường bộ môn giải quyết và trả lời khiếu nại của sinh viên theo quy định của Nhà trường.

Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa bảng ghi điểm đã công bố và điểm được nhập, lưu trữ trong hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường, sinh viên có trách nhiệm gửi đơn yêu cầu khoa kiểm tra lại các điểm tương ứng. Nếu thực sự có sai sót khoa có trách nhiệm phối hợp với phòng Đào tạo báo cáo Ban giám hiệu để điều chỉnh điểm cho sinh viên.

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 26. Thực tập, làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp

1. Trong học kỳ cuối cùng của khoá học, sinh viên được đi thực tập tốt nghiệp, làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp (gọi tắt là đồ án tốt nghiệp) theo quy định sau:

a. Sinh viên tích lũy và học trong học kỳ sát học kỳ cuối cùng được 90% số tín chỉ quy định của chương trình (đã học các học phần chuyên ngành) và có điểm trung bình chung tích lũy $\geq 1,80$ mới được đăng ký học phần thực tập tốt nghiệp.

b. Làm đồ án tốt nghiệp: Khối lượng của học phần Đồ án tốt nghiệp được quy định cụ thể trong chương trình đào tạo.

2. Điều kiện, hình thức và thời gian làm đồ án tốt nghiệp

a. Sinh viên hoàn thành thực tập tốt nghiệp, học xong và đạt tất cả các học phần có trong chương trình đào tạo, trừ đồ án tốt nghiệp, có điểm trung bình chung tích lũy xấp xỉ 2,00, được xem xét làm đồ án tốt nghiệp.

b. Thời gian làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp là 8 tuần. Hình thức làm đồ án tốt nghiệp do Trường khoa quyết định.

c. Giảng viên hướng dẫn chịu trách nhiệm trong việc hướng dẫn sinh viên làm đồ án tốt nghiệp và báo cáo tiến trình cho bộ môn 2 tuần một lần.

3. Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi sinh viên phải dành nhiều thời gian thí nghiệm hoặc khảo sát để hoàn thành đồ án tốt nghiệp, khoa và bộ môn có thể chủ động giao đồ án tốt nghiệp kết trong thời gian thực tập tốt nghiệp đối với sinh viên đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp.

Điều 27. Đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp

1. Hình thức đánh giá đồ án tốt nghiệp: bảo vệ trước hội đồng đánh giá đồ án tốt nghiệp. Hội đồng đánh giá tốt nghiệp, danh sách giảng viên tham gia hội đồng do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của Trường khoa.

2. Điểm đồ án tốt nghiệp: điểm học phần là điểm trung bình chung của các thành viên Hội đồng.

3. Điểm thành phần của đồ án tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10 và được làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được quy sang thang điểm chữ theo như các học phần khác. Kết quả chấm đồ án tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 4 ngày làm việc sau khi sinh viên nộp đồ án hoặc công bố ngay sau khi bảo vệ. Điểm đồ án tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của cả khoá học.

4. Sinh viên có đồ án tốt nghiệp bị điểm F phải đăng ký bảo vệ lại đồ án tốt nghiệp lần 2, nếu vẫn không đạt phải đăng ký làm lại.

Điều 28. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây thì được xét tốt nghiệp:

- a. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b. Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo nêu trong Điều 2.
- c. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- d. Đạt chuẩn tiếng Anh: Năm 2016 chuẩn tiếng Anh để xét tốt nghiệp là Toefl-ITP 400 trở lên, những năm tiếp theo mỗi năm chuẩn tiếng Anh được nâng thêm 10 điểm cho đến năm 2019 điểm chuẩn tiếng Anh khi xét tốt nghiệp cho các khóa tuyển sinh từ năm 2013 trở về trước là Toefl - ITP 430 trở lên. Kể từ khóa tuyển sinh 2014, điểm chuẩn tiếng Anh khi xét tốt nghiệp vào năm 2019 và sau đó là Toefl-ITP 450 trở lên.
- e. Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính do Hiệu trưởng quy định (nếu có);
- g. Có các chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất (điểm học phần giáo dục thể chất tính theo thang điểm 4 như các học phần khác trong chương trình đào tạo).

2. Sau mỗi học kỳ chính, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 của Điều này để xét tốt nghiệp cho sinh viên.

Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm thư ký, các thành viên là các Trưởng khoa chuyên môn, Trưởng phòng Công tác - Học sinh sinh viên, Trưởng phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

4. Trong vòng một tuần, sau khi công nhận tốt nghiệp, phòng Đào tạo cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời và bảng điểm cho sinh viên theo thang điểm 4. Chậm nhất là sau 30 ngày, Nhà trường phải cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên. Những sinh viên đã hoàn thành chương trình nhưng chưa đến đợt xét tốt nghiệp có thể đề nghị xin cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình đại học.

Điều 29. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo, hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học như sau:

- a. Loại xuất sắc: Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 3,6÷ 4,0.
- b. Loại giỏi: Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 3,2÷ 3,59.
- c. Loại khá: Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,5÷ 3,19.
- d. Loại trung bình khá: Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,3÷ 2,49.
- e. Loại trung bình: Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,0÷ 2,29.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên (chỉ áp dụng đối với loại xuất sắc và giỏi,

không áp dụng đối với loại khá, trung bình khá và trung bình) sẽ bị giảm đi một mức, nếu sinh viên bị rơi vào một trong các trường hợp sau:

a. Có số tín chỉ của các học phần phải học lại và học cải thiện vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình.

b. Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo trở lên.

3. Kết quả học tập toàn khoá của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm của sinh viên theo từng học phần với cả điểm học phần lần 1 và điểm học phần cao nhất (nếu có) của học phần đó, điểm trung bình chung toàn khoá và xếp loại tốt nghiệp. Trong bảng điểm ghi rõ chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định ở khoản 1 Điều 29 của Quy chế này đối với một số chương trình tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau theo các ngành đào tạo đó.

5. Những sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng, chứng chỉ giáo dục thể chất nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học và đạt trong chương trình của trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển sang chương trình đào tạo vừa làm vừa học quy định tại khoản 4 Điều 16 của Quy chế này.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM & ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên, cán bộ vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khoá luận nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật đối với học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 1 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều này, tùy mức độ sai phạm mà khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên và cán bộ coi thi vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 31. Điều khoản thi hành

Quy chế này được áp dụng cho tất cả các khoá đào tạo Đại học hệ chính quy theo

Hệ thống tín chỉ của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên kể từ học kỳ II năm học 2015-2016, thay thế cho các Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường đã ban hành trước đây. Các khoa chuyên môn có trách nhiệm phổ biến và làm rõ các nội dung của Quy chế này đến từng sinh viên của khoa. Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy chế do Hiệu trưởng quyết định.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Phan Quang Thế